SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A DƠI; 30/03/2026; 16:38:08; +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A DƠI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 224 /QĐ-UBND	*A Dơi, ngày 27 tháng 03 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 sang năm 2026 để tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A DƠI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2025/QH15;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Quyết định số 2451/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 và vốn kéo dài sang năm 2025 thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 10/10/2025 của UBND xã A Dơi về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 và vốn kéo dài sang năm 2025 thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Quyết định điều chỉnh số 945/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của UBND xã A Dơi;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 59/TTr-KT ngày 20/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 *(bao gồm cả vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025)* chưa giải ngân hết sang năm 2026 với tổng số tiền: **5.283.646.300 đồng** *(Bằng chữ: Năm tỷ hai trăm tám mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm đồng).*

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm Quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật; Tổ chức thực hiện và giải ngân vốn đảm bảo tiến độ; Thực hiện thanh, quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- KBNN khu vực XII - PGD số 12;
- TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Các PVP, CV;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Trọng Kim

TỔNG HỢP CHUYỂN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025 (BAO GỒM VỐN KÉO DÀI SANG NĂM 2025) SANG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 224/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND xã A Dơi)

ĐVT: đồng

STT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng vốn NSNN hỗ trợ	Trong đó:		Số đã giải ngân đến ngày 31/12/2025					Dự toán còn lại chuyển nguồn sang năm 2026	Ghi chú
					Vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025	Vốn phân bổ năm 2025	Tổng cộng	Vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025		Vốn phân bổ năm 2025			
								Thực chi	Tạm ứng	Thực chi	Tạm ứng		
	Tổng cộng			**15.464.945.900**	**5.176.776.900**	**10.288.169.000**	**10.181.299.600**	**4.368.431.000**	**0**	**5.812.868.600**	**0**	**5.283.646.300**	
I	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (10511)**	Văn phòng HĐND và UBND		**5.240.000.000**	**1.720.000.000**	**3.520.000.000**	**1.560.000.000**	**1.560.000.000**	**0**	**0**	**0**	**3.680.000.000**	
1	Hỗ trợ nhà ở xã Ba Tầng		8045223	640.000.000	440.000.000	200.000.000	400.000.000	400.000.000				240.000.000	
2	Hỗ trợ nhà ở xã Xy		8045976	1.000.000.000		1.000.000.000	0					1.000.000.000	
3	Hỗ trợ nhà ở xã A Dơi		8045859	3.600.000.000	1.280.000.000	2.320.000.000	1.160.000.000	1.160.000.000				2.440.000.000	
II	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực dân tộc (10514)**	Văn phòng HĐND và UBND		**8.443.193.900**	**2.351.193.900**	**6.092.000.000**	**7.707.677.600**	**1.894.809.000**	**0**	**5.812.868.600**	**0**	**735.516.300**	
-	*Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*			*8.443.193.900*	*2.351.193.900*	*6.092.000.000*	*7.707.677.600*	*1.894.809.000*	*0*	*5.812.868.600*	*0*	*735.516.300*	
1	Đường ra khu sản xuất thôn Ba Tầng (giai đoạn 3)		8093430	365.000.000		365.000.000	352.967.000			352.967.000		12.033.000	
2	Đường vào khu sản xuất Bóc Kalong, thôn Ba Lòng		8093431	691.000.000	326.000.000	365.000.000	682.690.000	326.000.000		356.690.000		8.310.000	
3	Đường vào khu sản xuất bản Măng Sông, thôn Măng Sông, xã Ba Tầng (Giai đoạn 2)		8001278	7.476.000	7.476.000							7.476.000	
4	Đường liên thôn Bản Cợp thôn Măng Sông đi Bản Cù Tiêng thôn Ba Lòng (Giai đoạn 5)		8093432	365.000.000		365.000.000	352.965.000			352.965.000		12.035.000	
5	Đường ra khu sản xuất bản Vầng, thôn Vầng, xã Ba Tầng (Giai đoạn 4)		8093433	432.000.000	326.000.000	106.000.000	424.477.600	326.000.000		98.477.600		7.522.400	

STT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng vốn NSNN hỗ trợ	Trong đó:		Số đã giải ngân đến ngày 31/12/2025					Dự toán còn lại chuyển nguồn sang năm 2026	Ghi chú
					Vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025	Vốn phân bổ năm 2025	Tổng cộng	Vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025		Vốn phân bổ năm 2025			
								Thực chi	Tạm ứng	Thực chi	Tạm ứng		
6	Đường ra khu sản xuất bản Vầng, thôn Vầng, xã Ba Tầng (Giai đoạn 2)		8093436	691.000.000	326.000.000	365.000.000	678.968.000	326.000.000		352.968.000		12.032.000	
7	Đường ra khu sản xuất bản Hùn Dốc, thôn Hùn, xã Ba Tầng		8095568	387.688.000	22.688.000	365.000.000	375.555.000	22.688.000		352.867.000		12.133.000	
8	Đường từ đường 135 vào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Vầng (giai đoạn 02)		8001455	7.448.000	7.448.000		0					7.448.000	
9	Đường từ km30+100 tỉnh lộ Lìa vào khu sản xuất thôn Trùm (giai đoạn 02)		7999539	3.909.600	3.909.600		0					3.909.600	
10	Đường từ Km35+300 tỉnh lộ Lìa ra khu sản xuất giáp biên giới (giai đoạn 2)		8110589	691.000.000	691.000.000	0	669.148.000	669.148.000				21.852.000	
11	Đường từ Km34 tỉnh lộ Lìa vào khu vực sản xuất giáp khu vực biên giới (Giai đoạn 3)		8004001	18.558.000	18.558.000							18.558.000	
12	Đường vào khu sản xuất thôn Ba Tầng (Giai đoạn 1)		8002726	8.392.000	8.392.000		0					8.392.000	
13	Đường nối từ đường quốc phòng đi vào khu sản xuất đồi A Cay		8133215	882.000.000		882.000.000	857.233.000			857.233.000		24.767.000	
14	Đường từ Lê E đến khe La Va thôn Ra Po		8138418	1.000.000.000		1.000.000.000	973.546.000			973.546.000		26.454.000	
15	Đường từ thôn Ra Po ra khu vực sản xuất		8092805	428.000.000		428.000.000	398.515.000			398.515.000		29.485.000	
16	Đường nối từ đường bê tông rẫy ông Hồ Bẹt Ma đến đường bê tông rẫy ông Hồ Văn Tèo		8063789	25.645.000	25.645.000		0					25.645.000	
17	Đường vào khu sản xuất thôn Ra Man từ đường bê tông qua rẫy ông Pả Thơm		8063788	29.330.000	29.330.000		0					29.330.000	
18	Sửa phòng học, chống thấm điểm trường chính Trường TH&THCS Xy		7991415	53.286.000	53.286.000		0					53.286.000	
19	Đường nối từ điểm chính trường TH&THCS Xy đến Ra Man		7996729	13.354.000	13.354.000		0					13.354.000	
20	Đường nối từ trục đường xã ra khu sản xuất song Sê Pôn thuộc thôn Ra Man		8002006	11.265.000	11.265.000		0					11.265.000	

STT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng vốn NSNN hỗ trợ	Trong đó:		Số đã giải ngân đến ngày 31/12/2025					Dự toán còn lại chuyển nguồn sang năm 2026	Ghi chú
					Vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025	Vốn phân bổ năm 2025	Tổng cộng	Vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025		Vốn phân bổ năm 2025			
								Thực chi	Tạm ứng	Thực chi	Tạm ứng		
21	Đường cây xoài khu sản xuất ra đường quốc phòng thôn Troan La Reo		8051101	9.816.000	9.816.000		0					9.816.000	
22	Đường từ nhà cộng đồng thôn Xa Doan ra khu sản xuất tập trung (Giai đoạn 01)		7998819	13.374.000	13.374.000		0					13.374.000	
23	Đường ra khu sản xuất tập trung thôn Xa Doan (Giai đoạn 03)		7998820	7.991.000	7.991.000							7.991.000	
24	Đường ra khu sản xuất thôn Prin Thành (giai đoạn 2)		8093435	457.530.000	34.530.000	423.000.000	404.304.000	34.530.000		369.774.000		53.226.000	
25	Đường ra khu sản xuất thôn Proi Xy (giai đoạn 2)		8093434	457.530.000	34.530.000	423.000.000	405.355.000	34.530.000		370.825.000		52.175.000	
26	Đường ra khu sản xuất tập trung thôn A Dơi Cô (giai đoạn 3)		8151079	1.005.000.000		1.005.000.000	976.041.000			976.041.000		28.959.000	
27	Đường ra khu sản xuất thôn A Dơi Cô		8004005	26.954.000	26.954.000		0					26.954.000	
28	Đường ra khu sản xuất thôn A Dơi Đớ (Giai đoạn 2)		8004004	26.954.000	26.954.000		0					26.954.000	
29	Đường ra khu sản xuất thôn Đồng Tâm (Giai đoạn 2)		7999531	6.732.300	6.732.300		0					6.732.300	
30	Đường ra khu sản xuất tập trung thôn Đồng Tâm (đoạn nối từ đường 1385)		8108545	319.961.000	319.961.000		155.913.000	155.913.000				164.048.000	
III	**Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (Mã số 0516)**	Văn phòng HĐND và UBND		**1.145.502.000**	**1.105.583.000**	**39.919.000**	**913.622.000**	**913.622.000**	**0**	**0**	**0**	**231.880.000**	**0**
1	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ba Tầng, xã Ba Tầng		8059970	23.296.000	23.296.000		10.313.000	10.313.000				12.983.000	
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Loa, xã Ba Tầng		8059969	23.294.000	23.294.000		10.314.000	10.314.000				12.980.000	
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Troan La Reo, xã Xy		8059968	12.890.000	12.890.000		0					12.890.000	

STT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng vốn NSNN hỗ trợ	Trong đó:		Số đã giải ngân đến ngày 31/12/2025					Dự toán còn lại chuyển nguồn sang năm 2026	Ghi chú
					Vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025	Vốn phân bổ năm 2025	Tổng cộng	Vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025		Vốn phân bổ năm 2025			
								Thực chi	Tạm ứng	Thực chi	Tạm ứng		
4	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ra Po, xã Xy		8063135	25.593.000	25.593.000		0					25.593.000	
5	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn A Dơi Đớ, xã A Dơi		8061402	52.922.000	52.922.000		0					52.922.000	
6	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đồng Tâm, xã A Dơi		8061403	57.507.000	57.507.000		0					57.507.000	
7	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Proi Xy, xã A Dơi		8108872	950.000.000	910.081.000	39.919.000	892.995.000	892.995.000				57.005.000	
IV	**Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện các Chương trình (10521)**	Văn phòng HĐND và UBND		**636.250.000**	**0**	**636.250.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**636.250.000**	**0**
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			636.250.000	0	636.250.000	0					636.250.000	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số xã A Dơi			636.250.000		*636.250.000*						636.250.000	

Tỉnh: Quảng Trị
Xã: A Dơi

Mẫu biểu số 06

PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 224/QĐ-UBND ngày 27 / 3 /2026 của UBND xã A Dơi)

Văn phòng HĐND và UBND xã A Dơi - Mã ĐVQHNS: 1143018

ĐVT: Đồng

Chương	Loại	Khoản	Diễn giải	Dự toán	Ghi chú
830	370	398	Hỗ trợ nhà ở xã Ba Tầng (Mã dự án: 8045223; Mã CTMT: 10511; Mã nguồn: 43)	200.000.000	Năm 2025 chưa nhập Tabmis, Điều chỉnh, bổ sung KHV năm 2025 tại QĐ số 2451/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị
830	370	398	Hỗ trợ nhà ở xã Xy (Mã dự án: 8045976; Mã CTMT: 10511; Mã nguồn: 43)	1.000.000.000	
830	370	398	Hỗ trợ nhà ở xã A Dơi (Mã dự án: 8045859; Mã CTMT: 10511; Mã nguồn: 43)	2.320.000.000	
Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số):				**3.520.000.000**	

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Ba tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

BỘ PHẬN TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH XÃ

Hồ Văn Sỹ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Trọng Kim